TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 02 - 2020
"V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.
Ông Huỳnh Hoàng Khởi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Em - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1054/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc " xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lã Thanh Th, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: Số 08, Liên kế 1, MT, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh M.
Tạm trú: F11/14, khu HV 2 R16, phường TP, quận B, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Số 05, Liên kế 2, MT, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh M.
Tạm trú: Khu nhà công vụ khí điện đạm, phường H, thành phố C, tỉnh M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng thương mại cổ phần ĐC Việt Nam, chi nhánh C (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số 45, THĐ, phường N, thành phố C, tỉnh M.
2/ Ông Lã Văn V (tên gọi khác: Lê Văn V), sinh năm: 1953 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số 08, Liên kế 1, MT, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh M.
3/ Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1956 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 08, Liên kế 1, MT, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lã Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Tr sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu giữa vợ chồng có hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẩn và ngày càng nghiêm trọng nguyên nhân là do sau khi cưới tính cách của anh Tr ngày càng nóng nảy, thường xuyên mắng chửi, quát nạt thô bạo và nhiều lần hành hung, vũ phu với chị, anh Tr là người không hiểu chuyện, có lối sống gia trưởng, ích kỷ, liên tục nhậu nhẹt, chơi bời không quan tâm đến gia đình và không cho chị có mối quan hệ xã hội bên ngoài. Sau thời gian chung sống chị nhận thấy cả hai không hòa hợp với nhau về quan điểm và lối sống, tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề khiến cho gia đình không được hạnh phúc và cảm thấy mệt mỏi trong mối quan hệ hôn nhân với anh Tr, hiện tại vợ chồng đã ly thân từ tháng 09/2018 đến nay. Do đó, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị Th xác định có một con chung tên Nguyễn Tùng Q, sinh ngày 08/11/2013, hiện cháu Q đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Th xác định trong quá trình chung sống vợ chồng đã tạo lập được các tài sản sau:

Căn nhà và đất với diện tích chiều ngang 4,5m, chiều dài 30m, tọa lạc tại số 5, Liên kế 2, Mậu Thân, khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Lã Thanh Th, Nguyễn Văn Tr số BY 639447 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 13/02/2015.

Phần đất có diện tích chiều ngang 6m, chiều dài 20m, tọa lạc tại khu dân cư MT khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên chị Lã Thanh Th và anh Nguyễn Văn Tr số CD 978497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 09/5/2016.

01 chiếc xe ô tô hiệu Kia Rio 5 chỗ, biển số 69A-015.68, mua vào năm 2014, trị giá hóa đơn khi mua xe là 568.000.000đ do chị Th đứng tên trên giấy sở hữu xe.

Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nhận căn nhà và đất với diện tích chiều ngang 4,5m, chiều dài 30m, tọa lạc tại số 5, Liên kế 2, MT, khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Lã Thanh Th, Nguyễn Văn Tr số BY 639447 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 13/02/2015. Đối với phần đất có diện tích chiều ngang 6m, chiều dài 20m, tọa lạc tại khu dân cư MT khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên chị Lã Thanh Th và anh Nguyễn Văn Tr số CD 978497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh M cấp ngày 09/5/2016 và 01 chiếc xe ô tô hiệu Kia Rio 5 chỗ, biển số 69A-015.68 sẽ giao cho anh Tr quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa chị Th rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung vì hiện nay giữa vợ chồng đã tự thỏa thuận được với nhau.

Về nợ chung: Chị Th xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC Việt Nam chi nhánh C hai hợp đồng vay với tổng số tiền vay là 864.976.000 đồng. Đối với số nợ này hiện nay vợ chồng chị đã thanh toán xong cho Ngân hàng.

- Tại các văn bản nêu ý kiến và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị Th trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi và có những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án và giải quyết anh Tr xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Th đã rạn nứt không thể hàn gắn nên nay chị Th yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Tr xác định có một con chung tên tên Nguyễn Tùng Q, sinh ngày 08/11/2013, hiện cháu Q đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn, anh thống nhất giao cháu Q cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Những tài sản mà chị Th đã kê khai là đúng nhưng ngoài những tài sản trên thì vợ chồng còn có tạo lập được một số tài sản khác nhưng chị Th không kê khai cụ thể:

Phần đất có diện tích 1.788,6m^2, loại đất trồng lúa, thửa số 264, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Nguyễn Văn Tr và Lã Thanh Th số CM 574525 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/01/2018.

Phần đất có diện tích 355,7m^2, loại đất trồng lúa, thửa số 271, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Lã Văn V số CN820768 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/8/2018.

Phần đất có diện tích 355,7m^2, loại đất trồng lúa, thửa số 272, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Vũ Thị B số CN820769 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/8/2018.

Phần đất có diện tích 355,7m^2, loại đất trồng lúa, thửa số 273, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khóm S, phường C, thành phố C, tỉnh M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Lã Thanh Th số CN 820812 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/8/2018.

Một chiếc xe Honda SCR biển số 69K6 2844 đứng tên Lã Thanh Th.

Cổ phiếu: 7,600 cổ phiếu GAS Công Ty Cổ Phần Phân Bón Dầu Khí Cà Mau đứng tên Lã Thanh Th.

Đối với số tài sản chung hiện nay anh và chị Th đã tự thỏa thuận được với nhau nên anh rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh thừa nhận có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC Việt Nam chi nhánh C hai hợp đồng vay với tổng số tiền vay là 864.976.000 đồng

đúng như chị Th trình bày và số nợ này hiện nay đã thanh toán xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản nêu ý kiến ông Lã Văn V (Lê Văn V) và bà Vũ Thị B trình bày: Đối với thửa đất số 271 số CN820768 do ông V và thửa số 27 số Cn 820769 do bà Vũ Thị B đứng tên là vào năm 2018 anh Tr có nhờ ông, bà ký tên và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất này là tài sản của anh Tr ông bà không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì. Đồng thời do bận công việc nên ông, bà xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại tòa án.

Đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC Việt Nam chi nhánh C có văn bản xác nhận hiện nay chị Th và anh Tr đã thanh toán xong các khoản nợ đối với ngân hàng và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lã Thanh Th cho chị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Q cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng.

Tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th, anh Tr xác định đã thanh toán xong và đã có xác nhận của ngân hàng nên không xem xét.

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lã Thanh Th khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản chung giữa chị và anh Tr, đồng thời yêu cầu giải quyết về nợ chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Ông Lã Văn Vượng, bà Vũ Thị Thanh, Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC chi nhánh C có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Th và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 167 quyển số 01/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh M nên quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Tr là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành hòa giải được và chị Th có đơn yêu cầu không hòa giải do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên

tòa chị Th xác định hiện nay tình cảm giữa chị và anh Tr không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Tr được nữa và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Về phía anh Tr cho rằng hiện nay vợ chồng đã bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được nữa nên anh thống nhất ly hôn theo như yêu cầu của chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Tr đã tồn tại quá nhiều mâu thuẫn, giữa vợ chồng đã không còn lòng tin đối với nhau, không có tiếng nói chung cũng như cả hai bên đã xác định không thể tiếp tục chung sống được nữa và hiện tại chị Th và anh Tr cũng đã ly thân một thời gian dài không còn chung sống với nhau, mục đích của mối quan hệ hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh Tr đồng ý ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th cho chị Th được ly hôn với anh Tr.

[4] Về con chung: Chị Th và anh Tr xác định có một con chung tên Nguyễn Tùng Q, sinh ngày 08/11/2013, hiện cháu Q đang sống chung với chị Th. Giữa anh Tr và chị Th thỏa thuận thống nhất tiếp tục giao cháu Q cho chị Th nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận này của chị Th và anh Tr là phù hợp và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên Tòa chị Th, anh Tr rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Chị Th, anh Tr xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Th và anh Tr, không xem xét đối với tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Đối với số tiền chị Th anh Tr nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC Việt Nam chi nhánh C, chị Th, anh Tr xác định đã thanh toán xong cho Ngân hàng và phía Ngân hàng cũng đã có văn bản xác nhận chị Th và anh Tr đã thanh toán xong các khoản nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ chị Th đã dự nộp số tiền 6.822.000 đồng và chi phí định giá tài sản chị Th đã dự nộp số tiền 5.500.000 đồng. Tổng cộng 12.322.000 đồng. Tại phiên tòa chị Th, anh Tr thống nhất mỗi người chịu một nửa. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị Th và anh Tr và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Th số tiền 6.161.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Th phải nộp 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Tr phải chịu 300.000 đồng. Về án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chị Th, anh Tr đã rút yêu cầu nên được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 156, 157, 164, 165, 166, 207, 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thanh Th.

- Về hôn nhân: Chị Lã Thanh Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tùng Q, sinh ngày 08/11/2013 đang sống với chị Th cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lã Thanh Th và anh Nguyễn Văn Tr.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Anh Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lã Thanh Th số tiền 6.161.000 đồng.

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Tr không thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Th phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), vào ngày 10/12/2018, chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí là 25.800.000đ theo biên lai số 0001753 được đối trừ. Chị Th được nhận lại số tiền 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn Tr phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, vào ngày 27/12/2018, anh Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí là 24.750.000đ theo biên lai số 0001877 được đối trừ. Anh Tr nhận lại 24.450.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Huyền Trân